

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khách sạn, sân golf Hoàng Đồng – Lạng Sơn, thành phố Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 259/TTr-STNMT ngày 10/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khách sạn, sân golf Hoàng Đồng – Lạng Sơn, thành phố Lạng Sơn như sau:

1. Đất nông nghiệp tại xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, trong đó:

a) Đất trồng lúa:

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 1 là 75.000 đồng/m² (Bảy mươi lăm nghìn đồng một mét vuông);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 là 67.000 đồng/m² (Sáu mươi bảy nghìn đồng một mét vuông);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 3 là 60.000 đồng/m² (Sáu mươi nghìn đồng một mét vuông).

b) Đất trồng cây hàng năm khác:

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 1 là 71.000 đồng/m² (Bảy mươi một nghìn đồng một mét vuông);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 là 63.000 đồng/m² (Sáu mươi ba nghìn đồng một mét vuông);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 3 là 56.000 đồng/m² (Năm mươi sáu nghìn đồng một mét vuông).

c) Đất trồng cây lâu năm:

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 1 là 65.000 đồng/m² (Sáu mươi lăm nghìn đồng một mét vuông);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 là 58.000 đồng/m² (Năm mươi tám nghìn đồng một mét vuông);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 3 là 50.000 đồng/m² (Năm mươi nghìn đồng một mét vuông).

d) Đất nuôi trồng thủy sản:

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 1 là 50.000 đồng/m² (Năm mươi nghìn đồng một mét vuông);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 là 46.000 đồng/m² (Bốn mươi sáu nghìn đồng một mét vuông);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 3 là 42.000 đồng/m² (Bốn mươi hai nghìn đồng một mét vuông);

e) Đất rừng sản xuất: giá đất cụ thể là: 13.000 đồng/m² (Mười ba nghìn đồng một mét vuông).

2. Cách xác định vị trí đất:

Áp dụng quy định tại Điều 3 của Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn, Chủ tịch UBND xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (02 bản);
- HĐTD giá đất (Sở TC);
- PCVP UBND tỉnh, Phòng THNC, Trung tâm THCB;
- Lưu: VT, KT_(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh